



# Chương 3

## Chuẩn mực chung về trình bày báo cáo tài chính quốc tế

**3.1. Những vấn đề chung về BCTC quốc tế**

**3.2. Trình bày hệ thống BCTC quốc tế**



# Chuẩn mực kế toán

- IAS 01 – Trình bày BCTC
- IAS 07 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- IFRS 1 - Lần đầu áp dụng IFRS



### 3.1.1. Các thuật ngữ và khái niệm

- Tài sản (Assets)
- Nợ phải trả (Liabilities)
- Vốn chủ sở hữu (Equity)
- Thu nhập (Income)
- Chi phí (Expense)

- Báo cáo tình hình tài chính (Statement of financial position)
- Báo cáo thu nhập tổng hợp (Statement of comprehensive income Gồm Profit or loss Statement và Other Comprehensive Income)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Statement of Cash Flows)
- Báo cáo sự thay đổi vốn chủ sở hữu (Statement of changes in equity)



### **3.1.2. Mục đích và phạm vi của BCTC**

- Cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, chủ nợ trong việc ra quyết định liên quan đến việc cung cấp các nguồn lực cho doanh nghiệp. [CF 2018]
- Cung cấp thông tin tài chính hữu ích về tình hình tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu và chi phí cho người sử dụng báo cáo tài chính trong việc xem xét các dòng tiền thuần và trong quá trình đánh giá tình hình quản lý các nguồn lực kinh tế của đơn vị. [CF 2018]



### **3.1.3. Các nguyên tắc lập và trình bày BCTC**

- **Trình bày hợp lý và tuân thủ CMBCTC** (Fair presentation and compliance with IFRSs) [IAS 01.15-24]
- **Hoạt động liên tục** (Going concern) [IAS 01.25-26]
- **Cơ sở dồn tích** (Accrual basis of accounting) [IAS 01.27-28]
- **Trọng yếu và tập hợp** (Materiality and aggregation) [IAS 01.29-31]
- **Bù trừ** (Offsetting) [IAS 01.32-35]
- **Kỳ báo cáo** (Frequency of reporting) [IAS 01.36-37]
- **Thông tin có thể so sánh** (Comparative information) [IAS 01.38-44]
- **Trình bày nhất quán** [IAS 01.45-46]



## 3.2. Trình bày hệ thống báo cáo tài chính

3.2.1. Báo cáo tình hình tài chính

3.2.2. Báo cáo thu nhập

3.2.3. Báo cáo sự thay đổi vốn chủ sở hữu

3.2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.2.5. Thuyết minh bổ sung



## 3.2.1. Báo cáo tình hình tài chính (Statement of financial position)

- **Báo cáo tình hình tài chính nhằm cung cấp thông tin về tình trạng tài chính của doanh nghiệp tại ngày lập báo cáo.**
- Thông tin được trình bày trên báo cáo về tình hình tài chính bao gồm tối thiểu các khoản mục sau: [IAS 01]
  - (a) Nhà xưởng, máy móc, thiết bị
  - (b) Bất động sản đầu tư
  - (c) Tài sản vô hình
  - (d) TS tài chính (không bao gồm các khoản (e), (h), (i) )
  - (e) Các khoản đầu tư sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu
  - (f) Tài sản có tính chất sinh học
  - (g) Hàng tồn kho
  - (h) Các khoản phải thu có tính chất thương mại và các khoản phải thu khác



## 3.2.1. Báo cáo tình hình tài chính (Statement of financial position)

- (i) Tiền và các khoản tương đương tiền
- (j) Tổng tài sản được phân loại để bán (theo qui định của IFRS 5)
- (k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác
- (l) Dự phòng
- (m) Các khoản công nợ tài chính (không bao gồm khoản (k), (l))
- (n) Tài sản và nợ phải trả thuế hiện hành (IAS 12)
- (o) Tài sản và nợ phải trả thuế hoãn lại (IAS 12)
- (p) Lợi ích cổ đông không kiểm soát trình bày trong vốn chủ sở hữu, và
- (q) Vốn góp và các quỹ thuộc về chủ sở hữu của công ty mẹ





## 3.2.1. Báo cáo tình hình tài chính

(Statement of financial position)

+ Thông tin được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hoặc trong Thuyết minh BCTC [IAS 01]

(a) Đối với mỗi loại vốn cổ phần:

i. Số cổ phiếu được phép phát hành;

ii. Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ và số cổ phiếu đã được phát hành nhưng chưa được góp vốn đầy đủ.

iii. Mệnh giá cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá

iv. Phần đối chiếu số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu và cuối niên độ.



## 3.2.1. Báo cáo tình hình tài chính

(Statement of financial position)

+ Thông tin được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hoặc trong Thuyết minh BCTC

(a) Đối với mỗi loại vốn cổ phần:

v. Các quyền lợi, ưu đãi và hạn chế gắn liền với cổ phiếu, kể cả các hạn chế trong việc phân phối cổ tức và trả lại vốn góp.

vi. Các cổ phiếu do chính DN nắm giữ hoặc do các công ty con, công ty liên kết của DN nắm giữ

vii. Các cổ phiếu được dự trữ để phát hành theo các cách lựa chọn và hợp đồng bán hàng, bao gồm điều khoản và số liệu bằng tiền.

(b) Phần mô tả tính chất và mục đích của mỗi khoản dự trữ trong vốn chủ sở hữu.